

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46/2025/DS-ST
Ngày 20/8/2025
Về việc “*Tranh chấp
hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Y Kam Ênuôl

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồ Tùng Mận.
2. Ông Hoàng Văn Mâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Linh - Kiểm sát viên

Ngày 20/8/2025, tại Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 143/2025/TLST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 10/7/2025, quyết định hoãn phiên tòa số 22/2025/QĐST – DS ngày 30/7/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S

Địa chỉ: 2 N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông Trần Gia T - Chuyên viên Ngân hàng TMCP S.

Địa chỉ: Lầu E, Tòa nhà B N, phường X, thành phố Hồ Chí Minh – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh T1.

Địa chỉ: Thôn B (cũ thuộc xã E), phường T, tỉnh Đắk Lắk – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 26/04/2021, Bà T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng

Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Số thẻ 526830-1945 ngày 26/4/2021, loại thẻ Master, các bên tự thỏa thuận lãi suất sử dụng thẻ là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, Bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.193.525 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 21 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau:

- + Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước
- + Giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước
- + Giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước
- + Các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ
- + Giao dịch rút tiền mặt trong kỳ
- + Giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với Bà T1, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên Bà T1 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã qui định tại Hợp đồng đã ký.

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (*Điều 18 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*), nên ngày 16/11/2021 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (*Điều 24 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng*). Ngân hàng đã chuyển toàn bộ dư nợ tại thời điểm này là 23,304,418 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (*150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại*). Do bà T1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán và để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S kính đề nghị Quý Tòa giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả số tiền còn thiếu tính đến ngày 20/08/2025 là 64.931.122 đồng. Trong đó: Nợ gốc 23.304.418 đồng và nợ lãi 41.626.704 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

2. Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Đắc Lắc phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Đây là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk.

Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015 và áp dụng Điều 91 luật của các tổ chức tín dụng. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần S, buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 có nghĩa vụ phải trả toàn bộ tổng số tiền dư nợ tại Ngân hàng TMCP S số tiền gốc là 23.304.418 đồng, nợ lãi theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ nội dung đơn khởi kiện, hồ sơ vụ án thì nguyên đơn - Ngân hàng TMCP S yêu cầu Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk buộc bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ 64.931.122 đồng. Trong đó: Nợ gốc 23.304.418 đồng và nợ lãi 41.626.704 đồng và có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 21/08/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng. Do đó, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “*Tranh chấp về hợp đồng tín dụng*”.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 có nơi cư trú tại phường T, tỉnh Đắk Lắk nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về trình tự thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án xét thấy bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần, đồng thời tiến hành tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn biết để tham gia tố tụng tại Tòa án để tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, các phiên hòa giải, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xác định đây là vụ án không thể tiến hành hòa giải được, được quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 tại

phiên tòa: Trước khi xét xử sơ thẩm Ngân hàng có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 1 – Đắk Lắk xét xử vắng mặt đương sự.

[4]. Về nội dung tranh chấp: Ngày 26/04/2021, bà Nguyễn Thị Thanh T1 có ký với Ngân hàng TMCP S (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 20.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân. Cụ thể theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng: Số thẻ 526830-1945 ngày 26/4/2021, loại thẻ Master, các bên tự thỏa thuận lãi suất sử dụng thẻ là 2.6%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, bà T1 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 19.193.525 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay Bà T1 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 1.500.000 đồng. Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng bà T1 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng TMCP S đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 20/08/2025 là 64.931.122 đồng. Trong đó: Nợ gốc 23.304.418 đồng và nợ lãi 41.626.704 đồng;

Hội đồng xét xử xét thấy:

4.1. Xét hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng số thẻ 526830-1945 ngày 26/4/2021 giữa ngân hàng TMCP S với bà Nguyễn Thị Thanh T1 là sự tự nguyện của các bên, nên phát sinh hiệu lực và có giá trị pháp lý đối với các bên. Sau khi ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với hạn mức là 20.000.000 đồng, bà T1 đã giao dịch với tổng số tiền gốc là 19.193.525 đồng mà không thực hiện thanh toán trả lại cho Ngân hàng là vi phạm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng với Ngân hàng TMCP S.

Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy có giao dịch dân sự vay mượn tiền (*sử dụng thẻ tín dụng*) giữa bà T1 và Ngân hàng thương mại cổ phần S xảy ra trên thực tế. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của Ngân hàng Hội đồng xét xử cần chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S để buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc 23.304.418 đồng là có căn cứ nên cần chấp nhận.

4.2. Đối với tiền lãi suất: Xét thấy phần yêu cầu tính lãi suất và tiền phí của Ngân hàng từ ngày 26/4/2021 đến ngày 20/8/2025 với tổng số tiền lãi, phí là 41.626.704 đồng là phù hợp nên cần chấp nhận, kể từ ngày 21/8/2025 bà T1 phải tiếp tục chịu tiền lãi suất theo cam kết trong hợp đồng cấp thẻ tín dụng mà các bên đã thỏa thuận.

[5]. Về án phí: Do đơn khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.178.684 đồng theo

biên lai số 0009455 ngày 20/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn – bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với tổng số tiền còn nợ cụ thể là: $64.931.122 \text{ đồng} \times 5\% = 3.246.556 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 463; Điều 465; Điều 466; Điều 467; Điều 468; Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 91, Điều 95 luật của các tổ chức tín dụng.

Áp dụng nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP S.

Buộc bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải trả cho Ngân hàng TMCP S toàn bộ tổng số tiền nợ 64.931.122 đồng. Trong đó: Nợ gốc 23.304.418 đồng và nợ lãi 41.626.704 đồng, tính đến ngày 20/8/2025.

Kể từ ngày 21/8/2025 bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải tiếp tục chịu lãi suất theo cam kết sử dụng thẻ tín dụng đã thỏa thuận giữa các bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

2. Về án phí:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Thanh T1 phải chịu 3.246.556 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ngân hàng TMCP S không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.178.684 đồng theo biên lai số 0009455 ngày 20/3/2024 tại Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.”

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN –CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Y Kam Ênuôl